TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - VĨNH LONG
Bản án số: 70/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2026
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Chính.
Bà Lê Thị Hồng Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh ngày: 12-11-1975 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ: ấp G (nay là ấp H), xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh ngày: 01-01-1972 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

Nơi đăng ký thường trú: ấp G (nay là ấp H), xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở: ấp Ng, xã HT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-11-2025, bản tự khai ngày 02-12-2025 và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 15-7-2026, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị L đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NLP, huyện C (cũ) vào ngày 21-12-2004. Nữ trang cưới có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K, nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã bán hết để chi tiêu chung nên hiện nay không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung bên nhà chồng. Thời gian đầu chung sống có hạnh

phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải mọi việc, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn mà không được nên đã tự sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay ông khởi kiện xin được ly hôn với bà Phạm Thị Linh.

Về nuôi con: Ông và bà Phạm Thị L có 03 con chung là Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày 20-11-1999, Nguyễn Văn Vũ K - sinh ngày 13-11-2001 và Nguyễn Quốc B - sinh ngày 12-12-2011, đều đang sống chung với ông. Khi ly hôn, đối với Nguyễn Thị Yến N, Nguyễn Văn Vũ K đã thành niên, sức khỏe bình thường, nên ông không yêu cầu giải quyết; Đối với Nguyễn Quốc B, ông xin được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Linh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm theo đơn khởi kiện, thì ông không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Ông cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 23-4-2026, bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà thống nhất xác định đi đến hôn nhân với ông Nguyễn Văn M do tự quen biết nhau, cha mẹ hai bên gia đình chấp nhận, có làm lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NLP, huyện C (cũ). Nữ trang cưới có 05 chỉ vàng 24K nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết để sử dụng chung nên hiện không còn. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên đã tự sống ly thân nhau cho đến nay đã 08 năm. Nay về hôn nhân, bà đồng ý ly hôn với ông M do không thể nào hàn gắn lại được. Cả 03 con chung là Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày 20-11-1999, Nguyễn Văn Vũ K - sinh ngày 13-11-2001 và Nguyễn Quốc B - sinh ngày 12-12-2011, đều đang sống chung với ông M; Khi ly hôn các con sống với ông M, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà thống nhất xác định không có, không yêu cầu gì. Bà thống nhất với các chứng cứ ông M đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho bà biết. Riêng bà không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 02-12-2025, con chung Nguyễn Quốc B trình bày: Cha mẹ của con là Nguyễn Văn M và Phạm Thị L. Khi cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của con là muốn được tiếp tục sống chung với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và con chung đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng,

thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M: Cho ông M được ly hôn với bà Phạm Thị L; Giao con chung là Nguyễn Quốc B - sinh ngày 12-12-2011 cho ông M được quyền nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông M chưa yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu, nên không xem xét. Ngoài ra, Vị đề nghị nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn, bà Phạm Thị L là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng hai đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NLP, huyện C (cũ) vào ngày 21-12-2004, nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thường hay cự cải, dẫn đến ông bà tự ý sống ly thân nhau từ đó cho đến nay thời gian đã lâu mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*. Nhưng ông M, bà L đã

không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án đã thông báo mời hòa giải vào các ngày 08-5-2026, 15-7-2026 để ông M, bà L gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng bà Linh có đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt. Thể hiện bà L không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông M. Nên ông M có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ nữa vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng ông M, bà L đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Ông M xin ly hôn với bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[6] *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L có 03 con chung là Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày 20-11-1999, Nguyễn Văn Vũ K - sinh ngày 13-11-2001 và Nguyễn Quốc B - sinh ngày 12-12-2011, đều đang sống chung với ông M. Hiện nay đối với Nguyễn Thị Yến N và Nguyễn Văn Vũ K đã thành niên, sức khỏe bình thường, nên không xem xét giải quyết. Đối với Nguyễn Quốc B, tại đơn tự khai ngày 02-12-2025 nêu nguyện vọng muốn sống chung với cha. Cả ông M, bà L đều thống nhất với nguyện vọng của con. Nên cần xử giao cháu B cho ông M được quyền nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp nguyện vọng của con. Mặc dù Tòa án đã giải thích quy định tại các Điều 82, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2025, nhưng ông M chưa yêu cầu bà Linh cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét.

[9] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2025, cả ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L đều thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[10] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Cả ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L đều thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[11] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[12] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 4, 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Phạm Thị L.

2. Về nuôi con: Đối với hai con chung họ tên Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày 20-11-1999 và Nguyễn Văn Vũ K - sinh ngày 13-11-2001 đều đã thành niên, sức khỏe bình thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Giao con chung họ tên Nguyễn Quốc B - sinh ngày 12-12-2011 cho ông Nguyễn Văn M được quyền nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con là muốn sống chung với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn M chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L không tranh chấp, không khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0006739 ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi

hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- UBND xã C;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo